

IELTS LISTENING SAMPLE TEST: SECTION 1

Questions 1-7

Complete the form below, using **NO MORE THAN THREE WORDS AND/OR A NUMBER** for each answer.

Travel Safe

🔍 INSURANCE PLC

Department: Motor 🔍 Insurance

Client details:

Name: Elisabeth

Date of birth: 8.10.1975

Address: (street) Callington (town)

Policy number:

Accident details:

Date:

Time: Approx.

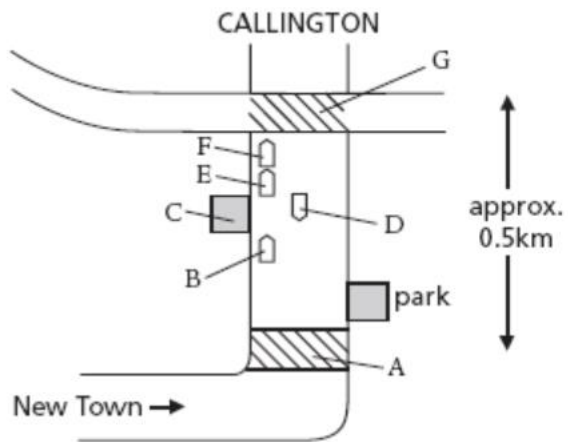
Supporting evidence:

Medical problems (if any): injuries

Questions 8-10

Label the diagram/plan below.

Write the correct letter, **A-G**, next to questions **8-10**.



8. traffic lights

9. petrol station

10. blue van

ĐÁP ÁN:

1. Ricard

2. 60 Forest Road

3. CZ8809

4. 12th September/ 12.09

5. 8.30 pm/ half past eight

6. police report

7. minor

8. G

9. C

10. D

Tapescripts:

Assistant 1:

Rawlings Insurance. Good morning. Can I help you?

Bảo hiểm Rawlings. Chào buổi sáng. Tôi có thể giúp gì cho bạn?

Elisabeth:

Oh, hello. I'm ringing to report an accident.

Ồ, xin chào. Tôi gọi để báo cáo một vụ tai nạn.

Assistant 1:

A car accident?

Một vụ tai nạn xe hơi?

Elisabeth:

Yes.

Assistant 1:

Just hold the line a moment please. I'm putting you through to our motor insurance department.

Xin vui lòng giữ máy một lát. Tôi sẽ chuyển cuộc gọi của cô đến bộ phận bảo hiểm xe cơ giới của chúng tôi.

Assistant 2:

Hello?

Xin chào?

Elisabeth:

Hello.

Xin chào.

Assistant 2:

I understand you want to report an accident?

Có phải cô muốn báo cáo một vụ tai nạn?

Elisabeth:

Yes. My car's been damaged - someone came out in front of me ...

Vâng. Xe của tôi đã bị tổn hại - có người đã xông ra ngay trước mặt tôi...

Assistant 2:

Could I just check a few personal details before we go any further?

Tôi có thể kiểm tra một vài thông tin cá nhân trước khi chúng ta tiếp tục không?

Assistant:

Oh yes, sorry.

Ồ vâng, xin lỗi.

Assistant 2:

Your name, first of all.

Trước hết là tên của cô.

Elisabeth:

It's ELISABETH Ricard.

Tôi là ELISABETH Ricard.

Assistant 2:

Is that R-I-K-A-R-D?

Có phải là R-I-K-A-R-D không?

Elisabeth:

It's spelt with a C not a K.

Đó là chữ C chứ không phải chữ K.

Assistant 2:

Oh, OK ... And your date of birth please?

Ồ, được rồi ... Và ngày sinh của cô?

Elisabeth:

It's the eighth of October, 1975.

Ngày 8 tháng 10 năm 1975.

Assistant 2:

... And lastly, I just need to check your address.

... Và cuối cùng, tôi chỉ cần kiểm tra địa chỉ của cô nữa thôi.

Elisabeth:

Oh, actually I moved house last month so the street name's different. It's 60 Forest Road. I think you've got 22 Ash Avenue on your records?

Ồ, thực ra tôi mới chuyển nhà vào tháng trước nên tên đường đã khác. Đó là 60 Forest Road. Tôi nghĩ là hồ sơ ghi số 22 Ash Avenue phải không?

Assistant 2:

I have. So, I'll just make a note of that ... That's fine ... And is that in the same town still? Callington?

Đúng vậy. Vậy thì tôi sẽ ghi chú lại... Không sao đâu... Và cô vẫn ở cùng một thị trấn chứ? Callington?

Elisabeth:

That's right.

Đúng vậy.

Assistant 2:

Right, now ... do you have your insurance policy in front of you?

Được rồi, bây giờ... cô có hợp đồng bảo hiểm ở ngay đó không?

Elisabeth:

Yes, I do.

Vâng, tôi có.

Assistant 2:

Can you give me the policy number please? It's at the top.

Cô có thể cho tôi số hợp đồng bảo hiểm được không? Nó nằm ở trên cùng.

Elisabeth:

Oh yes. Five-oh-nine-two-four?

Ồ vâng. Năm-không-chín-hai-bốn?

Assistant 2:

It's in a box - it should start with letters ...

Nó ở trong một ô và phải bắt đầu bằng các chữ cái ...

Elisabeth:

Oh, C-Z- double eight-oh-nine?

Ồ, C-Z- đôi tám-không-chín?

Assistant 2:

That's the one. And now I want to ask you about the accident itself. Is that OK?

Đúng rồi. Và bây giờ tôi muốn hỏi cô về vụ tai nạn. Được chứ?

Elisabeth:

Yes, that's fine.

Được thôi.

Assistant 2:

First of all, did it happen today?

Trước hết, chuyện đó xảy ra hôm nay à?

Elisabeth:

No, it happened yesterday evening, but by the time I got home it was late, so I didn't call.

Không, chuyện xảy ra vào tối qua, nhưng khi tôi về nhà thì đã muộn nên không gọi điện.

Assistant 2:

That's not a problem. So ... let's see ... today's the thirteenth of September, so it happened on the twelfth. Is that right?

Không vấn đề gì. Vậy thì ... xem nào ... hôm nay là ngày mười ba tháng 9, vậy là xảy ra vào ngày mười hai. Đúng không?

Elisabeth:

It is.

Đúng vậy.

Assistant 2:

Do you know approximately what time the accident occurred?

Cô có biết vụ tai nạn xảy ra vào khoảng mấy giờ không?

Elisabeth:

Er ... oh dear ... I wasn't wearing a watch, and I was a bit shocked. But I'd say it was between 8.15 and 8.45.

Ờ ... trời ơi ... tôi không đeo đồng hồ, và tôi hơi sốc. Nhưng tôi đoán là khoảng 8 giờ 15 đến 8 giờ 45.

Assistant 2:

That's OK. I'll just record that it happened at about 8.30. It doesn't matter exactly ... And I don't suppose you've got any supporting evidence have you? I mean witness statements, that kind of thing?

Không sao. Tôi sẽ ghi lại rằng nó xảy ra vào khoảng 8 giờ 30. Không cần chính xác hoàn toàn... Và tôi đoán là cô không có bất kỳ bằng chứng hỗ trợ nào phải không? Chẳng hạn như lời khai của nhân chứng, đại loại vậy?

Elisabeth:

I don't have witness statements I'm afraid, but I've got a police report. They came and measured up and checked the marks on the road. But unfortunately nobody else was around at the time of the accident.

E là tôi không có lời khai của nhân chứng, nhưng tôi có báo cáo với cảnh sát. Họ đã đến đo đạc và kiểm tra các vết trên đường. Nhưng thật không may, không có ai khác ở đó vào thời điểm xảy ra tai nạn.

Assistant 2:

Any hospital report?

Có báo cáo của bệnh viện nào không?

Elisabeth:

No.

Không.

Assistant 2:

So I take it you don't have any medical problems then? Any injuries?

Cô không có vấn đề gì về sức khỏe? Có thương tích nào không?

Elisabeth:

Only minor ones. It was mainly the car that got damaged luckily.

Chỉ là những thương tích nhẹ. May mắn thay, chỉ có chiếc xe là bị hỏng.

Assistant 2:

Absolutely. But we do recommend that you have a check up anyway. Within twenty-four hours if possible.

Chắc chắn rồi. Nhưng chúng tôi khuyên bạn nên đi kiểm tra sức khỏe. Trong vòng hai mươi bốn giờ nếu có thể.

Elisabeth:

Yes, OK. I'll make an appointment today.

Được, được. Tôi sẽ đặt lịch hẹn hôm nay.

Assistant 2:

Fine. And now, can you tell me what happened exactly? I'm going to make a few notes.

Tốt lắm. Giờ thì, cô có thể cho tôi biết chính xác chuyện gì đã xảy ra không? Tôi sẽ ghi chú lại.

Elisabeth:

I was driving home from the swimming pool and ...

Tôi đang lái xe về nhà từ hồ bơi và ...

Assistant 2:

I don't know Callington at all, so could you describe it for me? Where did the accident happen?

Tôi không biết rõ về Callington, cô có thể mô tả cho tôi được không? Vụ tai nạn xảy ra ở đâu?

Elisabeth:

On the road between New Town and Callington. I was driving from New Town, heading towards Callington, and ...

Trên con đường ở giữa New Town và Callington. Tôi đang lái xe từ New Town, hướng về Callington, và ...

Assistant 2:

OK, just let me draw the road layout ... Right. OK?

Được, để tôi vẽ sơ đồ đường ... Được rồi. Được chứ?

Elisabeth:

When you leave New Town there's a sharp bend in the road and then there's a railway bridge.

Khi rời New Town, có một khúc cua gấp trên đường và sau đó là một cây cầu đường sắt.

Assistant 2:

OK.

Được rồi.

Elisabeth:

And then about half a kilometre further on there's a crossroads with traffic lights. And I was just in between the two when it happened. I wasn't going very fast, in fact I definitely ...

Và sau đó khoảng nửa km nữa, có một ngã tư có đèn giao thông. Và tôi đang ở giữa hai ngã tư khi sự việc xảy ra. Tôi không đi nhanh lắm, thực ra tôi chắc chắn là...

Assistant 2:

So you'd already gone over the bridge?

Vậy là cô đã đi qua cầu?

Elisabeth:

Yes. And I'd passed the park - that's on the right hand side. And I was just approaching the petrol station ...

Đúng vậy. Và tôi đã đi qua công viên - bên tay phải. Và tôi vừa mới đến gần trạm xăng...

Assistant 2:

Where's that then?

Đó là đâu?

Elisabeth:

It's a bit further along, on the opposite side.

Xa hơn một chút, ở phía đối diện.

Assistant 2:

So, on your near side then?

Vậy thì ở phía gần cô hơn à?

Elisabeth:

Yes. As I was approaching it I saw a blue van coming towards me. The driver had stopped in the middle of the road.

Đúng vậy. Khi tôi đến gần, tôi thấy một chiếc xe tải màu xanh đang tiến về phía tôi. Tài xế đã dừng lại giữa đường.

Assistant 2:

Was he indicating?

Anh ta có ra hiệu không?

Elisabeth:

Yes. He was waiting to turn into the petrol station. But then at the last minute he decided to turn right in front of me. He must have thought he had enough time, but I had to swerve to avoid him. And I came off the road and landed in a ditch on the opposite side.

Có. Anh ta đang đợi để rẽ vào trạm xăng. Nhưng rồi vào phút cuối, anh ta quyết định rẽ phải ngay trước mặt tôi. Hẳn anh ta nghĩ rằng mình còn đủ thời gian, nhưng tôi phải đánh tay lái để tránh anh ta. Và tôi đã chệch khỏi đường và rơi xuống một con mương phía đối diện.

Assistant 2:

Mmm. I don't suppose he stopped did he?

Mmm. Tôi không nghĩ là anh ta dừng lại đúng không?

Elisabeth:

Oh yes. He came over to see if I was OK, but he tried to say it was my fault. And there wasn't ...

Ồ vâng. Anh ta đến để xem tôi có ổn không, nhưng anh ấy cố nói rằng đó là lỗi của tôi. Và không hề...